CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY
DN: C=VN, S=Hà Nội, L="Tầng 4, số 27 Bà Triệu (Phòng Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam", O=CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0109094756
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025-08-22 16:42:30

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18../2025/HIO/CBTT	*Hà Nội, ngày 22 tháng 08 năm 2025*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Helio Energy thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2025 đã được soát xét với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Helio Energy

- Mã chứng khoán: HIO
- Địa chỉ: Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: (024)3 226 3333 Fax:.....
- Email: info@helioenergy.vn Website: https://helioenergy.vn.

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã được soát xét:

☐ BCTC riêng (CTĐC không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc).

☒ BCTC hợp nhất (CTĐC có công ty con).

☐ BCTC tổng hợp (CTĐC có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán ...):

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025):

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có ☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 22/.08./2025 tại đường dẫn https://helioenergy.vn.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2025 đã được soát xét;
- Công văn số 38/2025/CV-HIO về việc Giải trình biến động kết quả SXKD hợp nhất bán niên 2025.

Đại diện tổ chức

Người được ủy quyền công bố thông tin

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bùi Tuấn Dương

Công ty Cổ phần Helio Energy

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Building a better working world

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Người đại diện theo pháp luật	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 46

Công ty Cổ phần Helio Energy

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 ngày 24 tháng 4 năm 2025.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Minh Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là Ông Phan Thành Đạt.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Helio Energy

BÁO CÁO CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Người đại diện theo pháp luật cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Người đại diện theo pháp luật cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Người đại diện theo pháp luật cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Theo ý kiến của Người đại diện theo pháp luật, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật

Phan Thanh Đạt
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 13664222/E-68672455 - HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Helio Energy

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") và các công ty con được lập ngày 15 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 46, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Người đại diện theo pháp luật xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300811802 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Đức Trường
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0816-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 22 tháng 8 năm 2025

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 1 tháng 1 năm 2025*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**90.897.763.938**	**105.993.229.700**
110	***I. Tiền***	***4***	***26.587.399.815***	***32.285.088.317***
111	1. Tiền		26.587.399.815	32.285.088.317
130	***II. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***50.050.795.493***	***58.065.335.289***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	25.790.531.885	42.101.975.734
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	10.027.263.608	1.733.424.554
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	14.233.000.000	14.229.935.001
140	***III. Hàng tồn kho***		***30.610.909***	***150.025.270***
141	1. Hàng tồn kho		30.610.909	150.025.270
150	***IV. Tài sản ngắn hạn khác***		***14.228.957.721***	***15.492.780.824***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	6	2.370.002.341	1.489.634.180
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.858.955.380	14.003.146.644
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**390.086.929.951**	**399.489.278.117**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***11.052.800.000***	***8.093.600.000***
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	11.052.800.000	8.093.600.000
220	***II. Tài sản cố định***		***318.553.077.646***	***338.421.065.888***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	318.553.077.646	338.421.065.888
222	Nguyên giá		493.147.313.989	493.147.313.989
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(174.594.236.343)	(154.726.248.101)
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***9***	***24.951.399.663***	***26.148.857.519***
231	1. Nguyên giá		35.093.712.424	35.093.712.424
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(10.142.312.761)	(8.944.854.905)
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***		***20.427.260.162***	***19.894.526.437***
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	10	20.427.260.162	19.894.526.437
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***15.102.392.480***	***6.931.228.273***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	6	11.426.717.838	2.359.207.205
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	1.503.881.120	2.371.647.573
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		119.759.815	-
269	4. Lợi thế thương mại	11	2.052.033.707	2.200.373.495
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**480.984.693.889**	**505.482.507.817**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 1 tháng 1 năm 2025*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**218.485.165.089**	**251.591.176.763**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***76.491.531.263***	***76.098.051.571***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	3.582.089.919	1.466.893.671
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.432.945.504	4.905.339.186
314	3. Phải trả người lao động		202.969.995	389.500.000
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	1.737.489.510	3.411.125.007
318	5. Doanh thu chưa thực hiện		169.191.750	73.250.000
320	6. Vay ngắn hạn	16	67.445.600.000	65.617.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15	1.921.244.585	234.943.707
330	***II. Nợ dài hạn***		***141.993.633.826***	***175.493.125.192***
338	1. Vay dài hạn	16	141.824.005.058	175.143.705.058
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	23.3	169.628.768	349.420.134
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**262.499.528.800**	**253.891.331.054**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***17***	***262.499.528.800***	***253.891.331.054***
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		210.000.000.000	210.000.000.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*210.000.000.000*	*210.000.000.000*
420	2. Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu		8.331.664.665	8.331.664.665
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		44.167.864.135	35.559.666.389
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước*		*33.873.365.511*	*14.480.905.409*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*10.294.498.624*	*21.078.760.980*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**480.984.693.889**	**505.482.507.817**

Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thanh Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (Trình bày lại)*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	18	**59.673.123.805**	**65.506.784.038**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**		-	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	18	**59.673.123.805**	**65.506.784.038**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	19	**35.170.117.338**	**33.688.352.060**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]**		**24.503.006.467**	**31.818.431.978**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**		**15.301.121**	**796.103.870**
22	**7. Chi phí tài chính**	20	**8.420.919.044**	**13.065.521.391**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*8.230.304.762*	*12.890.891.109*
24	**8. Lãi trong công ty liên kết**	10	**532.733.725**	**503.595.903**
25	**9. Chi phí bán hàng**		-	-
26	**10. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	21	**4.864.591.004**	**3.506.637.689**
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26]**		**11.765.531.265**	**16.545.972.671**
31	**12. Thu nhập khác**		**346.951.512**	**401.367.473**
32	**13. Chi phí khác**		**88.341.133**	**195.753.823**
40	**14. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]**		**258.610.379**	**205.613.650**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]**		**12.024.141.644**	**16.751.586.321**
51	**16. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	23.1	**1.041.667.933**	**1.020.183.163**
52	**17. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại**	23.3	**687.975.087**	**(389.345.509)**
60	**18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]**		**10.294.498.624**	**16.120.748.667**
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**		**10.294.498.624**	**16.120.748.667**
62	**20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		-	-
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	25	**490**	**706**
71	**22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	25	**490**	**706**

M.S.D.N: 0109204756 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thành Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**12.024.141.644**	**16.751.586.321**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại		21.213.785.886	22.324.005.386
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(548.034.846)	(1.291.904.632)
06	Chi phí lãi vay	20	8.230.304.762	12.890.891.109
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**40.920.197.446**	**50.674.578.184**
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(18.045.468.940)	6.823.096.254
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(345.454)	30.442.406
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		253.427.311	(2.464.656.379)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(9.947.878.794)	261.307.137
14	Tiền lãi vay đã trả		(8.242.127.000)	(13.493.859.181)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(4.404.694.192)	(1.432.320.408)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**533.110.377**	**40.398.588.013**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		25.245.000.000	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(25.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	22.800.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.301.121	788.308.729
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**25.260.301.121**	**(1.411.691.271)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		63.884.316.852	202.675.227.106
34	Tiền trả nợ gốc vay		(95.375.416.852)	(230.778.405.786)
40	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính**		**(31.491.100.000)**	**(28.103.178.680)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(5.697.688.502)**	**10.883.718.062**
60	**Tiền đầu kỳ**		**32.285.088.317**	**17.299.326.829**
70	**Tiền cuối kỳ**	**4**	**26.587.399.815**	**28.183.044.891**

Đỗ Thị Trang	Lê Thị Trang	Phan Thành Đạt
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Helio Energy ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0109204756 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2020, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 7 ngày 24 tháng 4 năm 2025.

Công ty được chấp thuận trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 5530/UBCK-GSĐC ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Cổ phiếu của Công ty chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 23 tháng 10 năm 2023 với mã chứng khoán HIO.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là sản xuất điện và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính Tầng 5, số 201 đường Trường Chinh, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 45 người (ngày 1 tháng 1 năm 2025 là 40 người).

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 26 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp và 5 công ty liên kết gián tiếp (ngày 1 tháng 1 năm 2025: 26 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp và 5 công ty liên kết gián tiếp). Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của các công ty này là sản xuất điện mặt trời. Chi tiết như sau:

Các công ty con trực tiếp:

STT	*Công ty*	*Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Địa chỉ*
1	Công ty TNHH Apollo Power 2	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty TNHH Apollo Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH Ampire Power 4	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH Omega Power 3	100%	Tầng 4, số 37 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
5	Công ty TNHH Helio Bình Thuận	100%	Thôn Minh Tiến, Xã Hàm Thuận Nam, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
6	Công ty TNHH Bước Tiến Mới Việt	100%	Số nhà 46, thôn 10, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
7	Công ty TNHH Dahlia Việt Nam	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
8	Công ty TNHH Zon Power Việt Nam	100%	Số nhà 46, thôn 10, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
9	Công ty TNHH Năng lượng xanh Lê Mạnh	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
10	Công ty TNHH KCP Energy	100%	Thôn Trung Hòa, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
11	Công ty TNHH Năng lượng Thế kỷ mới	100%	Thôn 23, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
12	Công ty TNHH New Power Việt Nam	100%	Thôn 23, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
13	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Mỹ	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
14	Công ty TNHH Điện mặt trời Nhật Anh	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
15	Công ty TNHH Năng lượng Hoàng Phú	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
16	Công ty TNHH Two Brothers Energy	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
17	Công ty TNHH Mặt trời đỏ Việt	100%	Thôn 6, Xã Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
18	Công ty TNHH Mặt trời Tuấn Anh	100%	Số nhà 46, thôn 10, Xã Ea Knốp, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
19	Công ty TNHH Orchid Việt Nam	100%	Thôn 5, Xã Ea Khăl, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
20	Công ty TNHH Solar Việt	100%	Thôn 5, Xã Ea Khăl, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Các công ty con trực tiếp: (tiếp theo)

STT	*Công ty*	*Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Địa chỉ*
21	Công ty TNHH Năng lượng Thời đại mới	100%	Thôn 2, Xã Ea Ning, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
22	Công ty TNHH Sol Power Việt Nam	100%	Thôn 2, Xã Ea Ning, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
23	Công ty TNHH MTV Năng lượng Hoàng Gia Phú	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
24	Công ty TNHH MTV Nghiêm Brothers Energy	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
25	Công ty TNHH Green Up Power Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
26	Công ty TNHH Carnation Việt Nam	100%	Thôn Nhà Đèn, Xã Đắk Wil, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Các công ty con gián tiếp

STT	*Công ty*	*Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Địa chỉ*
1	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	100%	Thôn Rừng Lạnh, Xã Đắk Song, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
2	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng	100%	Số 34, Ngõ 214, đường Phú Diễn, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Duy Đình	100%	Xóm 8, Thôn Đồng Tâm, Xã Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH Duy Đình Solar	100%	Thôn 7, Xã Trường Xuân, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
5	Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam	100%	Số 5C, Ngách 445/10 Đường Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
6	Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam	100%	Thôn 1, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
7	Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam	100%	Số 8, Ngõ 1126, Đường Nguyễn Khoái, Phường Vĩnh Hưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Các công ty liên kết gián tiếp

STT	*Công ty*	*Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết (%)*	*Địa chỉ*
1	Công ty TNHH VVT Việt Nam	38%	Số 6, ngách 44/1/54 Phố Bằng B, Phường Hoàng Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
2	Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	46%	Tầng 1 Tòa nhà Licogi 13 Đơn Nguyên A, Số 164 Khuất Duy Tiến, Phường Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	47%	Số 5C, ngách 445/10 Lạc Long Quân, Phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
4	Công ty TNHH NVP Việt Nam	48%	Thôn Bon Bu M'Lanh B, Xã Tuy Đức, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
5	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	40%	Thôn Rừng Lạnh, Xã Đắk Song, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Công ty nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các công ty con gián tiếp, công ty liên kết gián tiếp này thông qua các công ty con trực tiếp.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty và các công ty con là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí có liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ	-	Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty và các công ty con là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Doanh thu từ hoạt động cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
Tấm pin mặt trời	15 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty và các công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung là một nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các công ty được đồng kiểm soát bởi cùng một đối tượng hoặc các đối tượng trước và sau khi hợp nhất kinh doanh, và sự kiểm soát này là tạm thời.

Giao dịch hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh;
- Không có lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của các đơn vị được hợp nhất từ thời điểm hợp nhất kinh doanh;
- Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được ghi nhận vào Vốn khác của chủ sở hữu.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty và các công ty con. Thông thường, Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty và các công ty con không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty và các công ty con trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Công ty sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định căn cứ theo các Hợp đồng mua bán điện được ký kết giữa Công ty và các công ty điện lực và các phụ lục hợp đồng có liên quan. Doanh thu ghi nhận dựa trên sản lượng điện mua bán hàng tháng được xác nhận giữa hai bên. Đơn giá bán điện được xác định dựa trên Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, các công ty con liên kết và khoản vốn góp liên doanh khi doanh nghiệp có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty con liên kết và khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 *Thông tin theo bộ phận*

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Người đại diện theo pháp luật xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con dựa theo địa điểm của các tài sản của Công ty và các công ty con là ở Việt Nam. Do đó, Công ty và các công ty con không trình bày báo cáo bộ phận chi tiết theo khu vực địa lý.

3.19 *Các bên liên quan*

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các Công ty và các công ty con hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 1 tháng 1 năm 2025*
Tiền mặt	3.761.616.000	3.463.228.000
Tiền gửi ngân hàng	22.825.783.815	28.821.860.317
TỔNG CỘNG	**26.587.399.815**	**32.285.088.317**

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 1 tháng 1 năm 2025*
Phải thu từ khách hàng	24.558.814.885	41.324.375.734
- *Công ty Điện lực Đắk Lắk - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung*	*4.107.839.054*	*2.035.056.283*
- *Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh TNHH - Công ty Điện lực Bình Dương*	*3.292.761.587*	*2.303.386.129*
- *Công ty Điện lực Lâm Đồng – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Trung*	*2.203.280.517*	*1.728.031.552*
- *Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Năng lượng OSCAR*	*2.196.700.012*	*28.079.700.012*
- *Khác*	*12.758.233.715*	*7.178.201.758*
Phải thu từ các bên liên quan (*Thuyết minh số 24*)	1.231.717.000	777.600.000
TỔNG CỘNG	**25.790.531.885**	**42.101.975.734**

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 1 tháng 1 năm 2025*
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Năng lượng OSCAR	9.077.475.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp LK	-	710.988.000
Khác	949.788.608	1.022.436.554
TỔNG CỘNG	**10.027.263.608**	**1.733.424.554**

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 1 tháng 1 năm 2025*
Ngắn hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	1.141.208.908	724.952.347
Chi phí bảo hiểm	281.795.004	95.841.258
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	946.998.429	668.840.575
TỔNG CỘNG	**2.370.002.341**	**1.489.634.180**
Dài hạn		
Tiền thuê đất, thuê mái trả trước	10.383.076.127	1.269.704.229
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.043.641.711	1.089.502.976
TỔNG CỘNG	**11.426.717.838**	**2.359.207.205**

7. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 1 tháng 1 năm 2025*
Ngắn hạn		
Các khoản đặt cọc (*)	14.133.000.000	14.125.000.000
Khác	100.000.000	104.935.001
TỔNG CỘNG	**14.233.000.000**	**14.229.935.001**
Dài hạn		
Đặt cọc thuê mái nhà, thuê đất	11.052.800.000	8.093.600.000
TỔNG CỘNG	**11.052.800.000**	**8.093.600.000**

(*) Các khoản đặt cọc tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm các khoản đặt cọc để đảm bảo cho việc ký kết và thực hiện Hợp đồng mua bán tài sản tại các dự án điện mặt trời mái nhà và một số khoản đặt cọc khác.

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Thiết bị văn phòng*	*Phương tiện truyền dẫn*	*Tấm pin mặt trời*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	8.055.743.108	152.872.416.235	102.201.818	86.648.448.150	245.468.504.678	493.147.313.989
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	8.055.743.108	152.872.416.235	102.201.818	86.648.448.150	245.468.504.678	493.147.313.989
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	2.547.661.849	55.831.899.388	50.093.537	33.020.722.231	63.275.871.096	154.726.248.101
- Khấu hao trong kỳ	329.018.642	7.173.969.606	17.033.634	4.531.604.638	7.816.361.722	19.867.988.242
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	2.876.680.491	63.005.868.994	67.127.171	37.552.326.869	71.092.232.818	174.594.236.343
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	5.508.081.259	97.040.516.847	52.108.281	53.627.725.919	182.192.633.582	338.421.065.888
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	5.179.062.617	89.866.547.241	35.074.647	49.096.121.281	174.376.271.860	318.553.077.646

Công ty và các công ty con đã sử dụng toàn bộ hệ thống điện mặt trời trên mái nhà (tấm pin năng lượng mặt trời, khung giá đỡ tấm pin và một số tài sản khác) làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 16.

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá:	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	35.093.712.424
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	35.093.712.424
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	8.944.854.905
Hao mòn trong kỳ	1.197.457.856
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	10.142.312.761
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	26.148.857.519
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	24.951.399.663

Bất động sản đầu tư của Công ty và các công ty con bao gồm hệ thống khung giàn nhà xưởng do Công ty và các công ty con sở hữu và vận hành cho thuê.

Công ty và các công ty con chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ cho mục đích xác định giá trị hợp lý.

Công ty và các công ty con đã sử dụng toàn bộ bất động sản đầu tư làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 16.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đơn vị tính: VND

	Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	*Công ty TNHH VVT Việt Nam*	*Công ty TNHH NVP Việt Nam*	*Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn*	*Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam*	*Tổng cộng*
Giá trị đầu tư:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	3.933.000.000	3.337.000.000	4.225.100.000	4.018.200.000	4.026.400.000	19.539.700.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	3.933.000.000	3.337.000.000	4.225.100.000	4.018.200.000	4.026.400.000	19.539.700.000
Phần lũy kế lợi nhuận/(lỗ) sau khi mua công ty liên kết:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	(72.871.680)	(198.639.152)	311.768.722	169.569.960	144.998.587	354.826.437
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	42.257.467	86.147.140	180.486.171	122.969.190	100.873.757	532.733.725
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	(30.614.213)	(112.492.012)	492.254.893	292.539.150	245.872.344	887.560.162
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	3.860.128.320	3.138.360.848	4.536.868.722	4.187.769.960	4.171.398.587	19.894.526.437
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	3.902.385.787	3.224.507.988	4.717.354.893	4.310.739.150	4.272.272.344	20.427.260.162

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các công ty này chưa niêm yết.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết cũng như tỷ lệ sở hữu của Công ty và các công ty con tại các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 1.

11. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Tình hình tăng, giảm lợi thế thương mại trong kỳ như sau:

Đơn vị tính: VND

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NVH Việt Nam	*Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Thành Thắng*	*Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Duy Đình Việt Nam*	*Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH NHY Solar Việt Nam*	*Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Quang Trung Việt Nam*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	653.812.196	817.205.281	595.896.948	672.236.435	227.644.870	2.966.795.730
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	653.812.196	817.205.281	595.896.948	672.236.435	227.644.870	2.966.795.730
Phân bổ lũy kế:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	168.901.485	211.111.364	153.940.045	173.661.081	58.808.260	766.422.235
- Phân bổ trong kỳ	32.690.610	40.860.264	29.794.848	33.611.820	11.382.246	148.339.788
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	201.592.095	251.971.628	183.734.893	207.272.901	70.190.506	914.762.023
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	484.910.711	606.093.917	441.956.903	498.575.354	168.836.610	2.200.373.495
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	452.220.101	565.233.653	412.162.055	464.963.534	157.454.364	2.052.033.707

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		*Ngày 1 tháng 1 năm 2025*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp LK	783.512.000	783.512.000	-	-
Công ty TNHH Hãng kiểm toán AMA	563.112.000	563.112.000	563.112.000	563.112.000
Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ CA Thăng Long	455.000.000	455.000.000	231.903.215	231.903.215
Phải trả đối tượng khác	1.780.465.919	1.780.465.919	671.878.456	671.878.456
TỔNG CỘNG	**3.582.089.919**	**3.582.089.919**	**1.466.893.671**	**1.466.893.671**

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 1 tháng 1 năm 2025	*Số phải nộp trong kỳ*	*Số đã nộp trong kỳ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*
Thuế giá trị gia tăng	364.438.238	630.290.314	692.379.341	302.349.211
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.404.694.192	1.041.667.933	4.404.694.192	1.041.667.933
Thuế thu nhập cá nhân	136.206.756	398.367.502	445.645.898	88.928.360
Các loại thuế, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	162.899.517	162.899.517	-
TỔNG CỘNG	**4.905.339.186**	**2.233.225.266**	**5.705.618.948**	**1.432.945.504**

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 1 tháng 1 năm 2025*
Chi phí dịch vụ vận hành và bảo trì	1.014.674.674	2.048.453.449
Chi phí lãi vay	259.928.474	271.750.712
Các khoản trích trước khác	462.886.362	1.090.920.846
TỔNG CỘNG	**1.737.489.510**	**3.411.125.007**

15. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Số đầu kỳ	234.943.707	-
Trích lập quỹ trong kỳ	1.686.300.878	805.881.788
Số cuối kỳ	1.921.244.585	805.881.788

16. VAY

Đơn vị tính: VND

	Thuyết minh	*Ngày 1 tháng 1 năm 2025*		*Số phát sinh trong kỳ*		*Phân loại lại theo lịch trả nợ*		*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	
		Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn									
Vay cá nhân	*16.1*	520.000.000	520.000.000	1.640.000.000	995.000.000	-	-	1.165.000.000	1.165.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	*16.2*	65.097.000.000	65.097.000.000	5.484.300.000	41.405.800.000	37.105.100.000	-	66.280.600.000	66.280.600.000
		65.617.000.000	**65.617.000.000**	**7.124.300.000**	**42.400.800.000**	**37.105.100.000**	**-**	**67.445.600.000**	**67.445.600.000**
Vay dài hạn									
Vay ngân hàng và công ty tài chính	*16.2*	175.143.705.058	175.143.705.058	56.760.016.852	52.974.616.852	-	37.105.100.000	141.824.005.058	141.824.005.058
		175.143.705.058	**175.143.705.058**	**56.760.016.852**	**52.974.616.852**	**-**	**37.105.100.000**	**141.824.005.058**	**141.824.005.058**
TỔNG CỘNG		**240.760.705.058**	**240.760.705.058**	**63.884.316.852**	**95.375.416.852**	**37.105.100.000**	**37.105.100.000**	**209.269.605.058**	**209.269.605.058**

16.1 Vay cá nhân

Đây là các khoản vay tín chấp từ cá nhân với thời hạn dưới 1 năm, khoản vay cuối cùng đáo hạn vào tháng 9 năm 2025. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này 10%/năm, lãi vay trả cuối kỳ.

16. VAY (tiếp theo)

16.2 *Vay ngân hàng và công ty tài chính dài hạn*

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long	76.442.500.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 11 năm 2027. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	6,6%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	41.369.493.976	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 7 năm 2029. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7,6% - 7,9%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty và một số công ty con; - 19.973.500 cổ phần của Công ty Cổ phần Helio Power – công ty mẹ của Công ty; - Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý một số dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực – Chi nhánh Hà Nội	29.598.808.426	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 7 năm 2032. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7,0%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu của một số công ty con. - Quyền phát sinh từ việc khai thác, kinh doanh, vận hành một số dự án điện mặt trời; - Quyền sử dụng đất của một số cá nhân
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ban Mê	27.513.802.656	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 6 năm 2030. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	8,4%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con.

16. VAY (tiếp theo)

16.2 *Vay ngân hàng và công ty tài chính dài hạn* (tiếp theo)

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc và lãi vay*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk	17.480.000.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 10 năm 2027. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Quyền phát sinh từ việc khai thác, kinh doanh, vận hành một số dự án điện mặt trời; - Toàn bộ phần vốn góp tại một số công ty con gián tiếp theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền sử dụng đất của một số cá nhân.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình	10.840.000.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 6 năm 2029. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	7,6% - 7,9%	- Hệ thống điện mặt trời trên mái nhà của một số công ty con; - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại một số công ty con theo các Hợp đồng thế chấp; - Quyền khai thác và quản lý một số dự án đầu tư; - Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán điện của một số công ty con.
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	4.860.000.000	Khoản vay cuối cùng được hoàn trả vào tháng 11 năm 2027. Gốc vay và lãi vay được trả hàng tháng.	8,88%	- Một số hệ thống điện mặt trời trên mái nhà thuộc sở hữu Công ty.
TỔNG CỘNG	**208.104.605.058**			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*66.280.600.000*			
Vay dài hạn	*141.824.005.058*			

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	*Vốn khác của chủ sở hữu*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	210.000.000.000	8.331.664.665	15.286.787.197	233.618.451.862
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	16.120.748.667	16.120.748.667
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(805.881.788)	(805.881.788)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	210.000.000.000	8.331.664.665	30.601.654.076	248.933.318.741
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	210.000.000.000	8.331.664.665	35.559.666.389	253.891.331.054
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	10.294.498.624	10.294.498.624
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(1.686.300.878)	(1.686.300.878)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	210.000.000.000	8.331.664.665	44.167.864.135	262.499.528.800

(*) Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

17.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		*Ngày 1 tháng 1 năm 2025*	
	Tổng giá trị (VND)	*Cổ phiếu thường*	*Tổng giá trị (VND)*	*Cổ phiếu thường*
Công ty Cổ phần Helio Power	145.560.000.000	14.556.000	145.560.000.000	14.556.000
Vốn góp của các cổ đông khác	64.440.000.000	6.444.000	64.440.000.000	6.444.000
TỔNG CỘNG	**210.000.000.000**	**21.000.000**	**210.000.000.000**	**21.000.000**

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.3 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận*

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Vốn đã góp		
Số đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Số cuối năm	210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	-	-

17.4 *Cổ phiếu*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 1 tháng 1 năm 2025*
	Số cổ phần	*Số cổ phần*
Cổ phiếu đã được duyệt	**21.000.000**	**21.000.000**
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (Ngày 1 tháng 1 năm 2025: 10.000 VND/cổ phiếu).

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Tổng doanh thu	**59.673.123.805**	**65.506.784.038**
Trong đó:		
Doanh thu bán điện	*51.271.578.667*	*56.308.375.728*
Doanh thu cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý	*7.158.603.400*	*6.849.216.520*
Doanh thu cho thuê	*1.242.941.738*	*2.349.191.790*
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**59.673.123.805**	**65.506.784.038**
Trong đó:		
Doanh thu đối với các bên khác	*58.893.448.805*	*61.830.047.818*
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	*779.675.000*	*3.676.736.220*

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Giá vốn bán điện	28.922.141.982	26.828.565.331
Giá vốn dịch vụ tư vấn, quản lý	4.901.660.166	4.281.464.098
Giá vốn hoạt động cho thuê	1.346.315.190	2.578.322.631
TỔNG CỘNG	**35.170.117.338**	**33.688.352.060**

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí lãi vay	8.230.304.762	12.890.891.109
Chi phí tài chính khác	190.614.282	174.630.282
TỔNG CỘNG	**8.420.919.044**	**13.065.521.391**

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí nhân viên quản lý	1.476.392.571	1.089.060.770
Chi phí khấu hao tài sản cố định	76.322.598	76.322.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.149.655.930	2.091.468.690
Phân bổ lợi thế thương mại	148.339.788	165.653.714
Chi phí khác	13.880.117	84.131.917
TỔNG CỘNG	**4.864.591.004**	**3.506.637.689**

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí nhân công	6.263.527.870	4.694.516.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và phân bổ lợi thế thương mại	21.213.785.886	22.324.005.386
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.541.048.139	10.019.115.343
Chi phí khác	16.346.447	146.456.102
TỔNG CỘNG	**40.034.708.342**	**37.184.093.436**

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con được quy định theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ("Luật số 67") do Quốc hội ban hành có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025. Theo đó, Công ty và các công ty con áp dụng các mức thuế suất theo Luật số 67 ban hành khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là 15% lợi nhuận chịu thuế áp dụng đối với các công ty có tổng doanh thu một năm không quá 3 tỷ VND, và 17% lợi nhuận chịu thuế áp dụng đối với các công ty có tổng doanh thu một năm từ trên 3 tỷ VND đến không quá 50 tỷ VND, ngoại trừ các trường hợp sau:

- Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại một số xã thuộc tỉnh Lâm Đồng (trước đó là tỉnh Đắk Nông) được hưởng mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 10% trong 15 năm đồng thời được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 4 năm đầu tiên từ thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2021) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2025).
- Các công ty con có dự án điện mặt trời trên mái nhà tại xã Hàm Thuận Nam, tỉnh Lâm Đồng (trước đây là tỉnh Bình Thuận) được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong vòng 2 năm đầu tiên từ thời điểm phát sinh thu nhập chịu thuế (năm 2021) và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2023).

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.1 *Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận kế toán trước thuế và thu nhập chịu thuế:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**12.024.141.644**	**16.751.586.321**
Các khoản điều chỉnh		
Chi phí không được trừ	267.656.943	870.504.411
Chuyển lãi vay không được trừ các năm trước sang chi phí lãi vay được trừ trong kỳ này	(4.014.632.232)	(3.225.025.156)
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất khi lập báo cáo tài chính	7.176.781	861.532.852
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	**8.284.343.136**	**15.258.598.428**
Trong đó		
Thu nhập chịu thuế suất 20%	-	*5.026.982.422*
Thu nhập chịu thuế suất 17%	*2.265.157.072*	-
Thu nhập chịu thuế suất 15%	*3.477.983.110*	-
Thu nhập chịu thuế suất 10%	*156.672.388*	*147.866.781*
Thu nhập chịu thuế suất 5%	*2.384.530.566*	-
Thu nhập được miễn thuế	-	*10.083.749.225*
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**1.041.667.933**	**1.020.183.163**

23.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

23.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Công ty và các công ty con đã ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ này và kỳ trước thể hiện như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ*	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 1 tháng 1 năm 2025*	*Kỳ này*	*Kỳ trước*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lãi vay không được khấu trừ	990.424.186	1.855.871.731	(865.447.545)	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản từ hợp nhất kinh doanh	400.756.355	415.314.391	(14.558.036)	-
Chênh lệch khấu hao tài sản	112.700.579	100.461.451	12.239.128	-
	1.503.881.120	**2.371.647.573**		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch đánh giá lại tài sản từ hợp nhất kinh doanh	-	-	-	(4.361.430)
Các khoản dự phòng đầu tư vào các công ty con	169.628.768	349.420.134	179.791.366	393.706.939
	169.628.768	**349.420.134**		
(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			***(687.975.087)***	***389.345.509***

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Công ty và các công ty con trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Helio Power	Công ty mẹ
Ông Phan Thành Đạt	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Bùi Tuấn Dương	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc/ Người đại diện quản lý vốn góp của công ty mẹ
Ông Nguyễn Thanh Long	Thành viên độc lập HĐQT
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Đức	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Lê Thị Trang	Kế toán trưởng
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH VVT Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Công ty liên kết sở hữu gián tiếp

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Đầu tư Năng lượng NNL Việt Nam	157.200.000	144.000.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	155.550.000	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Nghiêm Văn	156.100.000	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NVP Việt Nam	154.450.000	144.000.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	156.375.000	144.000.000
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	218.258.740
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Không còn là bên liên quan	217.238.740
Công ty TNHH Alpha Solar 2	Không còn là bên liên quan	217.238.740
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Long Văn	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Long Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Khởi Duy Solar	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Long Văn Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Nghiêm Văn Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Khởi Duy Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Sỹ Tiến	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời Khởi Duy	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Sỹ Tiến Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH DVL Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển DTH Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH NDT Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Năng lượng Mặt trời NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH NHY Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung Solar Việt Nam	Không còn là bên liên quan	144.000.000
TỔNG CỘNG	**779.675.000**	**3.676.736.220**
Mua hàng và sử dụng dịch vụ		
Công ty Cổ phần Amber Capital	Không còn là bên liên quan	467.883.870
Công ty TNHH Alpha Solar 4	Không còn là bên liên quan	2.455.800
Công ty TNHH Alpha Solar 3	Không còn là bên liên quan	1.407.312
TỔNG CỘNG	**-**	**471.746.982**

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty và các công ty con mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả, tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty và các công ty con (tại ngày 1 tháng 1 năm 2025: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 1 tháng 1 năm 2025*
***Phải thu khách hàng ngắn hạn** (Thuyết minh số 5.1) – Cung cấp dịch vụ*		
Công ty TNHH Đầu Tư Năng Lượng NNL Việt Nam	247.728.000	155.520.000
Công ty TNHH VVT Việt Nam	245.922.000	155.520.000
Công ty TNHH Năng Lượng Mặt Trời Nghiêm Văn	246.524.000	155.520.000
Công ty TNHH NVP Việt Nam	244.718.000	155.520.000
Công ty TNHH DTT Solar Việt Nam	246.825.000	155.520.000
TỔNG CỘNG	**1.231.717.000**	**777.600.000**

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, thu nhập của thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ như sau:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Thù lao Hội đồng Quản trị	**120.000.000**	**137.500.000**
Bà Nguyễn Thị Lan	-	35.000.000
Ông Phan Thành Đạt	60.000.000	42.500.000
Ông Nguyễn Thanh Long	30.000.000	30.000.000
Ông Bùi Tuấn Dương	30.000.000	30.000.000
Lương, thưởng và thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	**1.184.086.020**	**778.966.339**
Ông Phan Thành Đạt	-	223.789.739
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	458.117.933	257.459.200
Ông Bùi Tuấn Dương	430.169.100	266.139.200
Bà Lê Thị Trang	295.798.987	31.578.200
Thù lao Ban Kiểm soát	**66.000.000**	**66.000.000**
Ông Trần Minh Đức	30.000.000	30.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương	18.000.000	18.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	18.000.000	18.000.000
TỔNG CỘNG	**1.370.086.020**	**982.466.339**

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (Trình bày lại)*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.294.498.624	16.120.748.667
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, pl lợi (*)	-	(1.289.659.893)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**10.294.498.624**	**14.831.088.774**
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.000.000	21.000.000
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	**21.000.000**	**21.000.000**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	490	706
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	490	706

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được điều chỉnh lại so với số liệu trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhận để lại của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và được phân bổ theo tỷ lệ lợi nhuận của sáu tháng đầu năm so với cả năm căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2025.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 chưa được điều chỉnh do Công ty chưa có kế hoạch trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty và các công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau, bao gồm các bộ phận kinh doanh như sau:

- Bộ phận sản xuất điện;
- Bộ phận cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý;
- Bộ phận kinh doanh khác bao gồm dịch vụ cho thuê hoạt động.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng xác định hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam, theo đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động sản xuất điện	*Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý*	*Hoạt động khác*	*Điều chỉnh*	*Tổng cộng*
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	*51.271.578.667*	*7.158.603.400*	*1.242.941.738*	-	*59.673.123.805*
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	*4.896.875.000*	-	*(4.896.875.000)*	-
Tổng doanh thu	51.271.578.667	12.055.478.400	1.242.941.738	(4.896.875.000)	59.673.123.805
Kết quả					
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	*22.349.436.685*	*2.256.943.234*	*(103.373.453)*	-	*24.503.006.467*
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)					*(12.478.864.823)*
Lợi nhuận trước thuế					*12.024.141.644*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					*(1.041.667.933)*
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại					*(687.975.087)*
Lợi nhuận thuần sau thuế					10.294.498.624
Các thông tin bộ phận khác					
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	*21.991.188.265*	-	*1.197.457.856*	-	*23.188.646.121*
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	*388.017.879.377*	*12.811.182.000*	*27.528.807.969*	-	*428.357.869.346*
Tài sản không phân bổ (ii)					*52.626.824.543*
Tổng tài sản					480.984.693.889
Công nợ bộ phận	*2.401.109.746*	*909.513.674*	*169.191.750*	-	*3.479.815.170*
Công nợ không phân bổ (iii)					*215.005.349.919*
Tổng công nợ					218.485.165.089

26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động sản xuất điện	*Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn, quản lý*	*Hoạt động khác*	*Điều chỉnh*	*Tổng cộng*
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	*56.308.375.728*	*6.849.216.520*	*2.349.191.790*	*-*	*65.506.784.038*
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	*-*	*4.826.422.000*	*-*	*(4.826.422.000)*	*-*
Tổng doanh thu	56.308.375.728	11.675.638.520	2.349.191.790	(4.826.422.000)	65.506.784.038
Kết quả					
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	*29.813.907.192*	*2.567.752.422*	*(229.130.841)*	*-*	*32.152.528.773*
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)					*(15.400.942.452)*
Lợi nhuận trước thuế					*16.751.586.321*
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					*(630.837.654)*
Lợi nhuận thuần sau thuế					16.120.748.667
Các thông tin bộ phận khác					
Chi phí khấu hao, hao mòn và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	*20.391.136.017*	*-*	*2.290.363.430*	*-*	*22.681.499.447*
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2025					
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	*392.972.174.841*	*8.324.108.000*	*54.228.557.531*	*-*	*455.524.840.372*
Tài sản không phân bổ (ii)					*49.957.667.445*
Tổng tài sản					505.482.507.817
Công nợ bộ phận	*1.224.742.486*	*1.985.716.691*	*73.250.000*	*-*	*3.283.709.177*
Công nợ không phân bổ (iii)					*248.307.467.586*
Tổng công nợ					251.591.176.763

(i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp và thu nhập khác và chi phí khác.

(ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản trả trước và phải thu khác.

(iii) Công nợ không phân bổ chủ yếu bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay không dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, quỹ khen thưởng phúc lợi và thuế TNDN hoãn lại phải trả.

27. CÁC CAM KẾT

Cam kết về thuê hoạt động

Công ty và các công ty con thuê văn phòng, thuê đất, thuê mái nhà và thuê các thiết bị theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, cam kết về tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của Công ty và các công ty con theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 1 tháng 1 năm 2025*
Đến 1 năm	5.853.289.642	18.588.789.861
Từ 1 – 5 năm	31.350.035.751	22.345.046.646
Trên 5 năm	26.961.009.345	31.863.155.293
TỔNG CỘNG	**64.164.334.738**	**72.796.991.800**

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty và các công ty con hiện đang cho thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 1 tháng 1 năm 2025*
Đến 1 năm	2.466.000.000	5.042.999.990
Từ 1 – 5 năm	2.862.277.778	5.040.500.000
TỔNG CỘNG	**5.328.277.778**	**10.083.499.990**

Cam kết liên quan đến việc mua cổ phần

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/HIO/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông của Công ty phê duyệt chủ trương nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần SD Trường Thành với tỷ lệ chuyển nhượng cổ phần dự kiến tối đa là 60%. Nguồn sử dụng để chuyển nhượng cổ phần là nguồn vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng và/hoặc nguồn khác. Công ty cam kết sử dụng toàn bộ tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để thực hiện nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty cổ phần SD Trường Thành.

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Đỗ Thị Trang Người lập biểu	Lê Thị Trang Kế toán trưởng	Phan Thành Đạt Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2025